

Số : 24/CBTT-2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Mã chứng khoán : **GMC**
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: headoffice@garmex.vn website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán. Đồng thời kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ trên báo cáo tài chính năm 2022 (đính kèm công văn giải trình)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm :

- Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán
- Công văn giải trình số 26/CV-2023

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG

Số : 26 /CV - 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022
đã được kiểm toán. Đồng thời kèm theo biện pháp
và lộ trình khắc phục tình trạng kết quả kinh doanh lỗ
trên Báo cáo tài chính năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Theo quy định về việc công bố thông tin của các công ty niêm yết, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán. Đồng thời kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ trên Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2022 chênh lệch từ 5% trở lên trước và sau kiểm toán:

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (VNĐ)		Chênh lệch	
	BCTC Quý 4 năm 2022	BCTC đã kiểm toán năm 2022	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần công ty mẹ	296.818.303.561	296.818.303.561	-	-
LNST của công ty mẹ	(45.387.965.017)	(64.200.197.332)	(18.812.232.315)	41.45%
Doanh thu thuần hợp nhất	292.176.218.727	292.176.218.727		
LNST hợp nhất	(65.824.886.821)	(84.701.877.511)	(18.876.990.690)	28.68%

- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 lỗ thêm 18.812.232.315 đồng, tỷ lệ tăng lỗ 41,45% so với trước kiểm toán là do:
 - + Công ty điều chỉnh tăng 14.254.076.189 đồng giá vốn hàng bán của thành phẩm tương ứng tỷ lệ tăng 4,85% chủ yếu do công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 13.811.959.237 đồng.
 - + Điều chỉnh tăng chi phí quản lý trích lập bổ sung khoản phải trả cho người lao động 368.811.775 đồng, tỷ lệ tăng 0,52%.
 - + Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho 4.261.369.909 đồng, tỷ lệ giảm 83,02%

Từ những yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 lỗ hơn so với trước kiểm toán.

- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ thêm 18.876.990.690 đồng, tỷ lệ tăng lỗ 28.68% so với trước kiểm toán là do:
 - + Công ty điều chỉnh tăng 14.253.654.830 đồng giá vốn hàng bán của thành phẩm tương ứng tỷ lệ tăng 5,07% chủ yếu do công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 13.811.959.237 đồng.



- + Điều chỉnh tăng chi phí quản lý trích lập bổ sung khoản phải trả cho người lao động: 325.154.672 đồng, tỷ lệ tăng 0,3%.
- + Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho 4.326.549.643 đồng, tỷ lệ giảm 81,23%.

Từ những yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ hơn so với trước kiểm toán.

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2022 lỗ trong khi lợi nhuận sau thuế năm 2021 lãi

Chỉ tiêu	BCTC kiểm toán năm 2022	BCTC kiểm toán năm 2021
LNST của công ty mẹ	(64.200.197.332)	32.685.612.882
LNST hợp nhất	(84.701.877.511)	43.591.418.304

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 lỗ trong khi năm 2021 lãi nguyên nhân chủ yếu là do: Trong năm 2022 công ty chủ yếu sản xuất các đơn hàng gia công. Đồng thời từ giữa tháng 8/2022 công ty phải tạm ngừng sản xuất ở một số nhà máy để khắc phục chất lượng nên hầu hết hàng sản xuất ra phải lưu kho. Bước sang quý 4/2022, Công ty nhận sản xuất các đơn hàng gia công số lượng nhỏ, giá cạnh tranh, năng suất thấp nên doanh thu quý 4 năm 2022 cũng giảm đáng kể (Doanh thu năm 2022 trên Báo cáo riêng giảm 772.833.678.504 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 72,25% so với doanh thu năm 2021. Doanh thu năm 2022 trên Báo cáo hợp nhất giảm 772.596.106.950 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 72,56% so với doanh thu năm 2021). Do tổng doanh thu cả năm 2022 giảm với tỷ lệ trên 72% so với năm 2021 nên đã làm cho kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty bị lỗ.

3. Biện pháp và lộ trình khắc phục kết quả kinh doanh lỗ

Công ty đã và đang cố gắng cân đối lại nhân sự cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục cân đối, sắp xếp lại nhân sự của toàn Công ty. Tập trung kiểm soát chất lượng sản phẩm, đẩy nhanh tiến độ giao hàng, giảm hàng tồn kho. Đồng thời sử dụng và khai thác hợp lý các mặt bằng hiện có nhằm giảm thiểu chi phí và dự kiến có lãi trong năm 2023.

Công ty Cổ Phần Garmex Saigon kính gửi đến quý cơ quan nội dung giải trình như trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc, quần áo may sẵn các loại và hàng tủ vải công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên tọa lạc tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú tọa lạc tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn tọa lạc tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022 miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022
Ông Lê Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Chin	Thành viên
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Ông Lê Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Minh Hằng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61192495/22987023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		283.246.267.441	610.390.862.705
110	I. Tiền	4	205.426.162.304	331.278.968.878
111	1. Tiền		205.426.162.304	331.278.968.878
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		40.676.336.841	197.602.428.586
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.488.943.683	235.820.845.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	31.553.802.451	10.933.784.396
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.833.162.400	367.728.116
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(51.199.571.693)	(49.519.928.997)
140	III. Hàng tồn kho	9	26.047.261.834	60.983.973.502
141	1. Hàng tồn kho		61.514.033.117	61.025.960.331
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(35.466.771.283)	(41.986.829)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.096.506.462	20.525.491.739
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	685.381.504	1.433.414.193
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	8.894.798.183	15.845.412.285
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.516.326.775	3.246.665.261
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		221.417.860.725	220.658.653.491
220	I. Tài sản cố định		73.387.733.453	76.072.248.091
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	72.456.892.822	74.822.253.607
222	Nguyên giá		265.593.377.900	256.661.709.016
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(193.136.485.078)	(181.839.455.409)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	930.840.631	1.249.994.484
228	Nguyên giá		6.018.865.523	6.018.865.523
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.088.024.892)	(4.768.871.039)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		32.507.811.555	18.882.213.828
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	32.507.811.555	18.882.213.828
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	101.252.770.891	110.321.894.330
251	1. Đầu tư vào công ty con		101.000.000.000	102.700.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.341.000.000	4.341.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.395.180.000	15.395.180.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.483.409.109)	(12.114.285.670)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		14.269.544.826	15.382.297.242
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	11.179.671.978	13.163.781.634
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	3.089.872.848	2.218.515.608
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		504.664.128.166	831.049.516.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.821.941.093	175.124.587.162
310	I. Nợ ngắn hạn		75.330.268.289	166.721.255.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.335.324.057	116.535.826.129
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	93.407.420	5.006.176.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	6.713.909.561
314	4. Phải trả người lao động		7.545.926.593	31.519.650.507
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.419.137.547	4.534.633.503
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	643.368.998	1.620.308.538
320	7. Vay ngắn hạn	20	20.866.820.000	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8.861.208.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	565.075.674	790.751.476
330	II. Nợ dài hạn		5.491.672.804	8.403.331.423
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.491.672.804	8.403.331.423
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		423.842.187.073	655.924.929.034
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	423.842.187.073	655.924.929.034
411	1. Vốn cổ phần		330.002.590.000	330.002.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		330.002.590.000	330.002.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		72.687.827.370	72.687.827.370
415	3. Cổ phiếu quỹ		(863.138.686)	(863.138.686)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		67.754.774.402	67.754.774.402
421	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(45.739.866.013)	186.342.875.948
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.460.331.319	153.657.263.066
421b	- (Lỗ năm nay) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(64.200.197.332)	32.685.612.882
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		504.664.128.166	831.049.516.196

Trần Thị Thu Trâm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

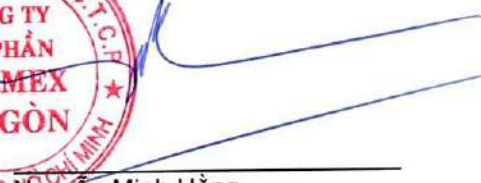
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	296.818.303.561	1.069.651.982.065
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	308.308.651.169	948.919.334.338
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		(11.490.347.608)	120.732.647.727
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	41.044.430.665	17.051.964.858
22	5. Chi phí tài chính	26	32.641.502.030	11.985.732.479
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	3.398.903.219
25	6. Chi phí bán hàng	27	349.991.160	7.521.953.741
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	70.656.670.407	80.175.547.594
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(74.094.080.540)	38.101.378.771
31	9. Thu nhập khác	28	9.182.554.487	3.927.044.858
32	10. Chi phí khác		160.028.519	-
40	11. Lợi nhuận khác		9.022.525.968	3.927.044.858
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.071.554.572)	42.028.423.629
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	7.798.161.554
52	14. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(871.357.240)	1.544.649.193
60	15. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(64.200.197.332)	32.685.612.882


Trần Thị Thu Trâm
Người lập


Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.071.554.572)	42.028.423.629
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12	13.120.549.048	14.189.424.412
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		51.884.622.687	(14.225.646.841)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.045.805.116)	2.784.696.528
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(273.173.543)	(282.549.447)
06	Chi phí lãi vay	26	-	3.398.903.219
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.385.361.496)	47.893.251.500
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		158.233.711.592	(13.602.309.349)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(488.072.786)	179.251.631.824
11	Giảm các khoản phải trả		(113.599.293.198)	(56.023.796.772)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.732.142.345	(282.791.958)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(3.476.185.487)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(7.160.809.500)	(5.473.911.744)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.353.225.431)	(606.563.051)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.979.091.526	147.679.324.963
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(16.950.141.217)	(22.455.281.748)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		38.687.282	245.353.555
26	Tiền thu từ giải thể công ty con	14.1	207.021.925	-
27	Tiền lãi và cổ tức được chia		357.610.505	37.195.892
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(16.346.821.505)	(22.172.732.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

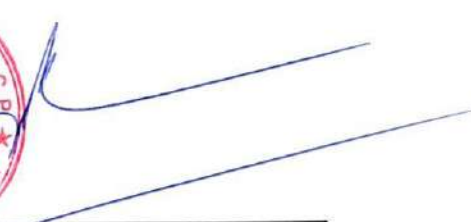
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	20	20.866.820.000	351.081.721.634
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	-	(715.499.640.540)
36	Cổ tức đã trả	23.3	(164.737.530.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(143.870.710.000)	(364.417.918.906)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(131.238.439.979)	(238.911.326.244)
60	Tiền đầu năm		331.278.968.878	571.950.296.562
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.385.633.405	(1.760.001.440)
70	Tiền cuối năm	4	205.426.162.304	331.278.968.878


Trần Thị Thu Trâm
Người lập


Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc, quần áo may sẵn các loại và hàng tủ vải công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên tọa lạc tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú tọa lạc tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn tọa lạc tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 792 (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.995) và tại ngày báo cáo tài chính riêng này là 98.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 14.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Giả định về hoạt động liên tục của Công ty

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề, do đó, Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 64.200.197.332 VND, cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 45.739.866.013 VND.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-ĐĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm ngoại trừ phần thanh toán cho người lao động.

Khoản trợ cấp mất việc làm trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 47 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	240.808.285	39.237.605
Tiền gửi ngân hàng	205.185.354.019	331.239.731.273
TỔNG CỘNG	205.426.162.304	331.278.968.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	10.267.993.629	70.551.950.543
- Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh	3.444.650.280	-
- Topo Designs	3.086.954.969	448.003.262
- Công ty TNHH May mặc Cây Dừa	2.715.064.920	-
- Promiles S.N.C	-	57.559.366.600
- Columbia Sportswear Co., (Hongkong) Ltd	-	4.565.828.949
- Các khách hàng khác	1.021.323.460	7.978.751.732
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	48.220.950.054	165.268.894.528
TỔNG CỘNG	58.488.943.683	235.820.845.071
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.199.571.693)	(49.519.928.997)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.289.371.990	186.300.916.074

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	49.519.928.997	46.785.166.928
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.679.642.696	3.578.442.299
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(843.680.230)
Số cuối năm	51.199.571.693	49.519.928.997

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	3.778.374.745	10.933.784.396
- Trung tâm Thiết bị Phòng cháy Chữa cháy 4/10	1.768.852.080	1.721.003.340
- Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt	741.727.000	741.727.000
- W.L. Gore & Associates (Hong Kong) Ltd	635.343.800	-
- Công ty TNHH Xây dựng Huy Thước	-	5.888.953.476
- Các nhà cung cấp khác	632.451.865	2.582.100.580
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.775.427.706	-
TỔNG CỘNG	31.553.802.451	10.933.784.396

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	1.833.162.400	79.767.386
Khác	-	287.960.730
TỔNG CỘNG	1.833.162.400	367.728.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
	Blue Saigon LLC	47.410.555.647	(47.410.555.647)	-	45.851.131.128	(45.851.131.128)	-
Topo Designs	3.654.944.776	(3.654.944.776)	-	3.534.726.599	(3.534.726.599)	-	
Khác	134.071.270	(134.071.270)	-	134.071.270	(134.071.270)	-	
TỔNG CỘNG	51.199.571.693	(51.199.571.693)	-	49.519.928.997	(49.519.928.997)	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm (*)	39.828.303.546	(14.801.153.425)	25.756.359.962	(41.986.829)
Nguyên liệu, vật liệu	21.363.031.231	(20.665.617.858)	34.747.330.236	-
Công cụ, dụng cụ	123.779.753	-	506.503.767	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	198.918.587	-	8.566.366	-
Hàng hóa	-	-	7.200.000	-
TỔNG CỘNG	61.514.033.117	(35.466.771.283)	61.025.960.331	(41.986.829)

(*) Bao gồm trong số dư thành phẩm là chi phí gia công mà Công ty đã thực hiện gia công cho đối tác. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, Công ty đã phát hiện các lỗi vi phạm tiêu chuẩn chất lượng do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ tiến hành thực hiện việc tái kiểm tra lại sản phẩm để khắc phục các sản phẩm bị lỗi do điều kiện lưu kho nhằm đảm bảo chất lượng gia công như đã cam kết trong hợp đồng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.986.829	6.806.937.906
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	35.424.784.454	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(6.764.951.077)
Số cuối năm	<u>35.466.771.283</u>	<u>41.986.829</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	685.381.504	1.433.414.193
Công cụ, dụng cụ	311.547.076	619.750.176
Chi phí sửa chữa	-	589.019.302
Khác	373.834.428	224.644.715
Dài hạn	11.179.671.978	13.163.781.634
Tiền thuê đất trả trước	7.664.913.286	7.899.553.489
Công cụ, dụng cụ	1.761.902.993	3.561.550.763
Máy móc, thiết bị	1.586.818.994	1.678.690.476
Khác	166.036.705	23.986.906
TỔNG CỘNG	11.865.053.482	14.597.195.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	114.633.412.018	115.262.840.546	12.506.692.135	14.258.764.317	256.661.709.016
Mua mới	1.424.807.000	3.308.371.105	641.000.000	2.602.107.400	7.976.285.505
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.551.417.791	-	-	-	2.551.417.791
Thanh lý	-	(117.465.000)	-	(1.478.569.412)	(1.596.034.412)
Số cuối năm	<u>118.609.636.809</u>	<u>118.453.746.651</u>	<u>13.147.692.135</u>	<u>15.382.302.305</u>	<u>265.593.377.900</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	28.010.895.137	92.985.899.905	9.639.264.862	9.644.114.904	140.280.174.808
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	57.248.049.351	101.103.692.850	11.164.156.502	12.323.556.706	181.839.455.409
Khấu hao trong năm	3.982.801.983	6.412.865.883	771.667.490	1.634.059.839	12.801.395.195
Thanh lý	-	(117.465.000)	-	(1.386.900.526)	(1.504.365.526)
Số cuối năm	<u>61.230.851.334</u>	<u>107.399.093.733</u>	<u>11.935.823.992</u>	<u>12.570.716.019</u>	<u>193.136.485.078</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>57.385.362.667</u>	<u>14.159.147.696</u>	<u>1.342.535.633</u>	<u>1.935.207.611</u>	<u>74.822.253.607</u>
Số cuối năm	<u>57.378.785.475</u>	<u>11.054.652.918</u>	<u>1.211.868.143</u>	<u>2.811.586.286</u>	<u>72.456.892.822</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>6.018.865.523</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	3.546.134.623
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	4.768.871.039
Hao mòn trong năm	<u>319.153.853</u>
Số cuối năm	<u>5.088.024.892</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>1.249.994.484</u>
Số cuối năm	<u>930.840.631</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng 213 Hồng Bàng	20.623.229.555	5.266.928.477
Tiền đất 213 Hồng Bàng (*)	10.020.000.000	10.020.000.000
Tiền đất Dự án nhà ở công nhân tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch (**)	1.830.600.000	1.843.383.000
Khác	<u>33.982.000</u>	<u>1.751.902.351</u>
TỔNG CỘNG	<u>32.507.811.555</u>	<u>18.882.213.828</u>

(*) Đây là số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình chờ hướng dẫn, chỉ đạo tiếp theo từ các cơ quan ban ngành có liên quan.

(**) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ để thuê lại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 14.1)	101.000.000.000	(15.000.000.000)	102.700.000.000	(6.883.152.961)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	4.341.000.000	(2.271.587.709)	4.341.000.000	(2.271.587.709)
Đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	15.395.180.000	(2.211.821.400)	15.395.180.000	(2.959.545.000)
TỔNG CỘNG	120.736.180.000	(19.483.409.109)	122.436.180.000	(12.114.285.670)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Số cuối năm			Số đầu năm			
				Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá trị còn lại	
				VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	May mặc	100	86.000.000.000	-	86.000.000.000	100	86.000.000.000	-	86.000.000.000
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	May mặc	100	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	100	15.000.000.000	(5.421.630.244)	9.578.369.756
Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (*)	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	May mặc		-	-	-	51	1.700.000.000	(1.461.522.717)	238.477.283
TỔNG CỘNG				101.000.000.000	(15.000.000.000)	86.000.000.000		102.700.000.000	(6.883.152.961)	95.816.847.039

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT/2020 ngày 20 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc giải thể công ty con – Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc giải thể công ty con này và thu được 207.021.925 VND. Theo đó, lỗ từ giao dịch này là 31.455.358 VND được ghi nhận như một khoản chi phí tài chính trên báo cáo tài chính riêng (Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm			Số đầu năm			
			Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	May mặc	32,47	4.341.000.000	(2.271.587.709)	2.069.412.291	32,47	4.341.000.000	(2.271.587.709)	2.069.412.291

14.3 Đầu tư vào các đơn vị khác

Đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	843.950	10.127.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	207.701	3.998.050.000	(2.211.821.400)	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	32.239	1.269.730.000	-	25.266	1.269.730.000	-
TỔNG CỘNG		15.395.180.000	(2.211.821.400)		15.395.180.000	(2.959.545.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	907.392.011	10.024.230.600
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng	261.360.000	293.418.888
- Công ty TNHH Thương mại Thực phẩm Thanh Hà	122.730.288	267.904.400
- Teijin Frontier Co., Ltd	-	4.819.263.256
- Khác	523.301.723	4.643.644.056
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	34.427.932.046	106.511.595.529
TỔNG CỘNG	35.335.324.057	116.535.826.129

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Game Guard	-	3.305.294.346
New Wave Group SA	-	778.754.215
Khác	93.407.420	922.127.464
TỔNG CỘNG	93.407.420	5.006.176.025

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	15.845.412.285	14.451.006.269	(21.401.620.371)	8.894.798.183
Thuế nhập khẩu	690.391.605	299.817.642	(291.432.549)	698.776.698
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.160.809.500	(6.713.609.708)	447.199.792
Thuế thu nhập cá nhân	2.556.273.656	1.988.867.629	(4.174.791.000)	370.350.285
Tiền thuê đất	-	3.651.306.588	(3.651.306.588)	-
TỔNG CỘNG	19.092.077.546	27.551.807.628	(36.232.760.216)	10.411.124.958
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.713.609.708	-	(6.713.609.708)	-
Thuế khác	299.853	14.077.348	(14.377.201)	-
TỔNG CỘNG	6.713.909.561	14.077.348	(6.727.986.909)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép năm	918.382.497	3.970.925.630
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	500.000.000	318.000.000
Khác	755.050	245.707.873
TỔNG CỘNG	<u>1.419.137.547</u>	<u>4.534.633.503</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	501.745.573	1.097.860.594
Khác	141.623.425	522.447.944
TỔNG CỘNG	<u>643.368.998</u>	<u>1.620.308.538</u>

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng ngắn hạn	-	<u>20.866.820.000</u>	-	<u>20.866.820.000</u>

Công ty có khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Chính sách Xã hội	<u>20.866.820.000</u>	0%	Ngày 11 tháng 1 năm 2023	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	790.751.476	1.397.314.527
Sử dụng quỹ	<u>(225.675.802)</u>	<u>(606.563.051)</u>
Số cuối năm	<u>565.075.674</u>	<u>790.751.476</u>

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.861.208.000	-
Trợ cấp mất việc làm (Thuyết minh số 3.13)	8.861.208.000	-
Dài hạn	5.491.672.804	8.403.331.423
Trợ cấp thôi việc (Thuyết minh số 3.12)	5.026.616.500	7.628.060.667
Tiền lương phép năm	<u>465.056.304</u>	<u>775.270.756</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.352.880.804</u>	<u>8.403.331.423</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	300.052.800.000	72.687.827.370	(863.138.686)	67.754.774.402	183.607.053.066	623.239.316.152
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	32.685.612.882	32.685.612.882
Cổ tức bằng cổ phiếu	29.949.790.000	-	-	-	(29.949.790.000)	-
Số cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>72.687.827.370</u>	<u>(863.138.686)</u>	<u>67.754.774.402</u>	<u>186.342.875.948</u>	<u>655.924.929.034</u>
Năm nay						
Số đầu năm	330.002.590.000	72.687.827.370	(863.138.686)	67.754.774.402	186.342.875.948	655.924.929.034
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(164.754.995.000)	(164.754.995.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.127.549.629)	(3.127.549.629)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(64.200.197.332)	(64.200.197.332)
Số cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>72.687.827.370</u>	<u>(863.138.686)</u>	<u>67.754.774.402</u>	<u>(45.739.866.013)</u>	<u>423.842.187.073</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 18 tháng 6 năm 2022 Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt cho việc trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tại mức 50% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với số tiền là 164.754.995.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	330.002.590.000	300.052.800.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	29.949.790.000
Số cuối năm	<u>330.002.590.000</u>	<u>330.002.590.000</u>

23.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm		
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	29.949.790.000
Cổ tức bằng tiền	164.754.995.000	-
Cổ tức đã trả trong năm		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	29.949.790.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	164.737.530.000	-

23.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	33.000.259	33.000.259
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	33.000.259	33.000.259
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(49.260)	(49.260)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	32.950.999	32.950.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần		
Doanh thu nội địa	247.501.000.794	363.512.113.900
Doanh thu xuất khẩu	49.317.302.767	706.139.868.165
	296.818.303.561	1.069.651.982.065
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	228.797.409.597	351.463.507.419
Doanh thu thuần đối với bên khác	68.020.893.964	718.188.474.646

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.686.820.160	17.008.022.133
Lãi tiền gửi	327.291.305	37.195.892
Cổ tức được chia	30.319.200	-
Khác	-	6.746.833
TỔNG CỘNG	41.044.430.665	17.051.964.858

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	272.883.866.715	948.928.275.717
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	35.424.784.454	(8.941.379)
TỔNG CỘNG	308.308.651.169	948.919.334.338

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.779.400.516	18.165.199.016
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	8.830.646.156	(9.578.369.756)
Lỗ từ giải thể công ty con (Thuyết minh số 14.1)	31.455.358	-
Chi phí lãi vay	-	3.398.903.219
TỔNG CỘNG	32.641.502.030	11.985.732.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	349.991.160	7.521.953.741
Chi phí vận chuyển	349.991.160	7.521.953.741
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.656.670.407	80.175.547.594
Chi phí nhân viên	43.236.660.668	57.172.035.313
Dự phòng trợ cấp mất việc	9.703.024.121	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.312.292.491	9.682.695.566
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.723.710.847	5.779.899.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.754.100.541	2.035.837.768
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.679.642.696	2.734.762.069
Khác	3.247.239.043	2.770.317.068
TỔNG CỘNG	71.006.661.567	87.697.501.335

28. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hỗ trợ từ khách hàng	8.399.975.745	-
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	309.327.404	2.862.163.226
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	245.353.555
Khác	473.251.338	819.528.077
TỔNG CỘNG	9.182.554.487	3.927.044.858

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	159.361.995.873	268.384.116.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.011.340.696	308.874.041.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	35.424.784.454	-
Chi phí nguyên vật liệu	17.670.426.560	362.090.877.650
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và 12)	13.120.549.048	14.189.424.412
Trợ cấp mất việc	9.703.024.121	-
Công cụ dụng cụ	9.048.078.756	9.665.968.205
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 5)	1.679.642.696	2.734.762.069
Khác	4.568.308.851	4.693.281.802
TỔNG CỘNG	393.588.151.055	970.632.472.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	6.935.018.269
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	863.143.285
	-	7.798.161.554
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(871.357.240)	1.544.649.193
TỔNG CỘNG	(871.357.240)	9.342.810.747

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(65.071.554.572)	42.028.423.629
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(13.014.310.914)	8.405.684.726
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.952.716.429)	343.592.977
Chi phí không được khấu trừ thuế	249.792.994	420.440.059
Thu nhập cổ tức	(6.063.840)	-
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	7.084.956.891	(690.050.300)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	863.143.285
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ chuyển sang năm sau	6.766.984.059	-
Chi phí thuế TNDN	(871.357.240)	9.342.810.747

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ) thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì (lỗ) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	219.296.687	537.849.324	(318.552.637)	(1.421.231.577)
Dự phòng phải trả	2.870.576.161	1.680.666.284	1.189.909.877	(123.417.616)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	3.089.872.848	2.218.515.608		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			871.357.240	(1.544.649.193)

30.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 33.834.920.293 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế		Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
		Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	-		
2022	2027	33.834.920.293	-	-	33.834.920.293

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗ trên do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	Công ty con (đến ngày 23 tháng 3 năm 2022)
Blue Saigon LLC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 10 năm 2022)
Bà Phan Thị Phượng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Chín	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên Ban kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu gia công và dịch vụ vận chuyển (*) Chi phí nguyên phụ liệu, vận chuyển hàng hóa	224.112.954.320	346.521.477.764
			-	322.843.065
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	Chi phí gia công, may thuê Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	76.281.335.580	142.756.155.931
			1.453.438.342	1.161.514.208
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Chi phí gia công, may thuê Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	48.906.744.295	123.050.042.572
			3.231.016.935	3.780.515.447
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	28.201.186	1.984.653.135
(*) Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24.1)			<u>228.797.409.597</u>	<u>351.463.507.419</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Blue Saigon LLC	Công ty con gián tiếp	Bán thành phẩm	47.410.555.647	45.851.131.128
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	516.686.542	583.783.040
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.707.865	129.694.542
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu gia công	-	118.704.285.818
			48.220.950.054	165.268.894.528
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Phí gia công may, thuê	27.775.427.706	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>				
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	Phí gia công may, thuê	34.427.932.046	92.714.738.886
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Phí gia công may, thuê	-	13.734.417.250
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	-	37.928.825
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí khác	-	24.510.568
			34.427.932.046	106.511.595.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	319.810.621	-	-
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	(đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)	479.715.931	-
Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	(đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)	479.715.931	-
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT		319.810.621	-
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT		50.580.645	-
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	(đến ngày 24 tháng 5 năm 2021)	269.229.976	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	(đến ngày 24 tháng 5 năm 2021)	269.229.976	716.200.449
Bà Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Thành viên HĐQT	(đến ngày 24 tháng 5 năm 2021)	1.127.741.746	818.790.290
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 3 tháng 10 năm 2022)	590.913.329	804.910.058
Bà Phan Thị Phương	Trưởng BKS		382.282.320	193.437.653
Bà Lê Thị Chín	Thành viên BKS		191.886.373	-
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên BKS		191.886.373	-
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng		478.884.790	475.571.478
Bà Huỳnh Thị Kim Loan	Phụ trách Quản trị Công ty		388.197.409	404.914.028
TỔNG CỘNG			<u>5.539.886.041</u>	<u>3.413.823.956</u>

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>8.734.441,60</u>	<u>13.995.956,29</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Thị Thu Trâm
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

